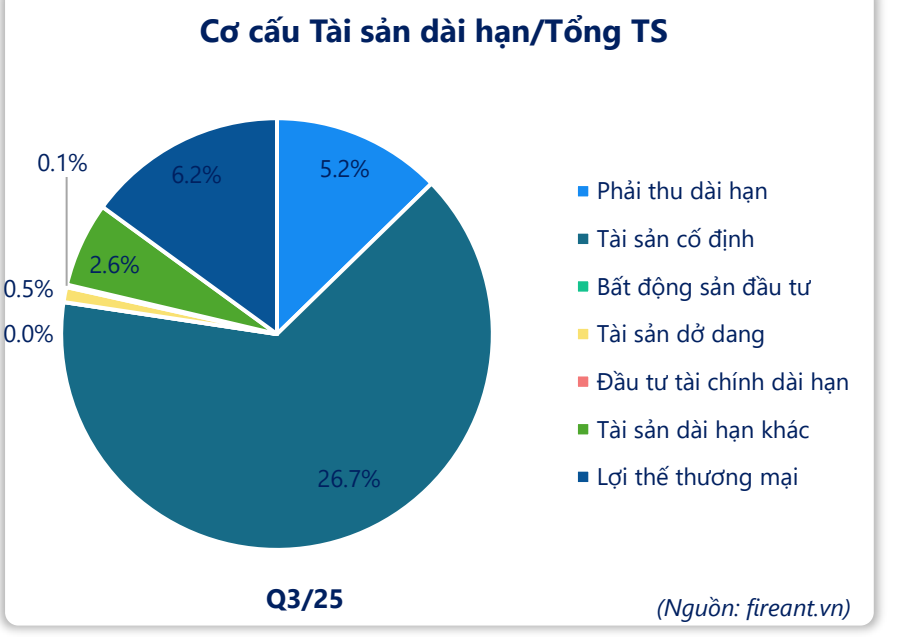
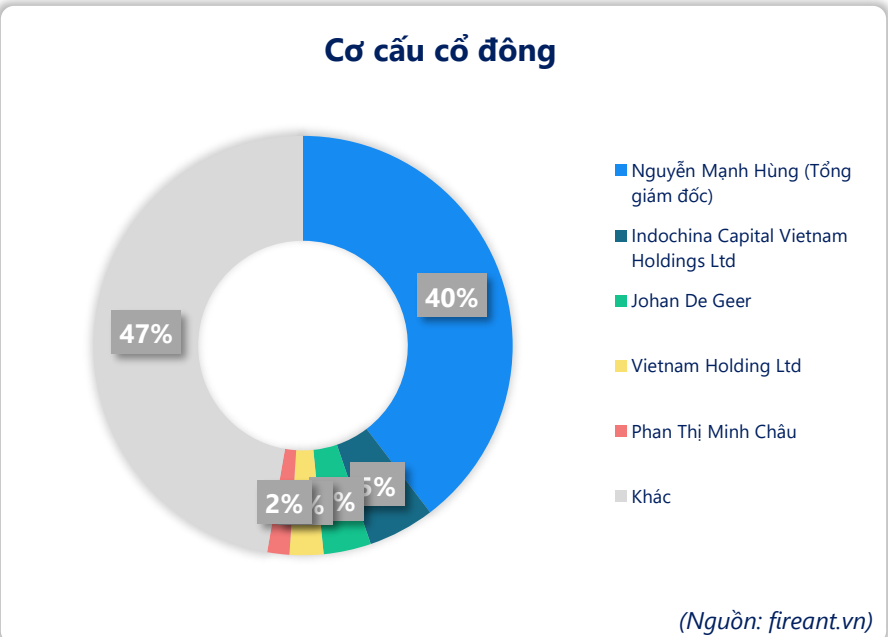
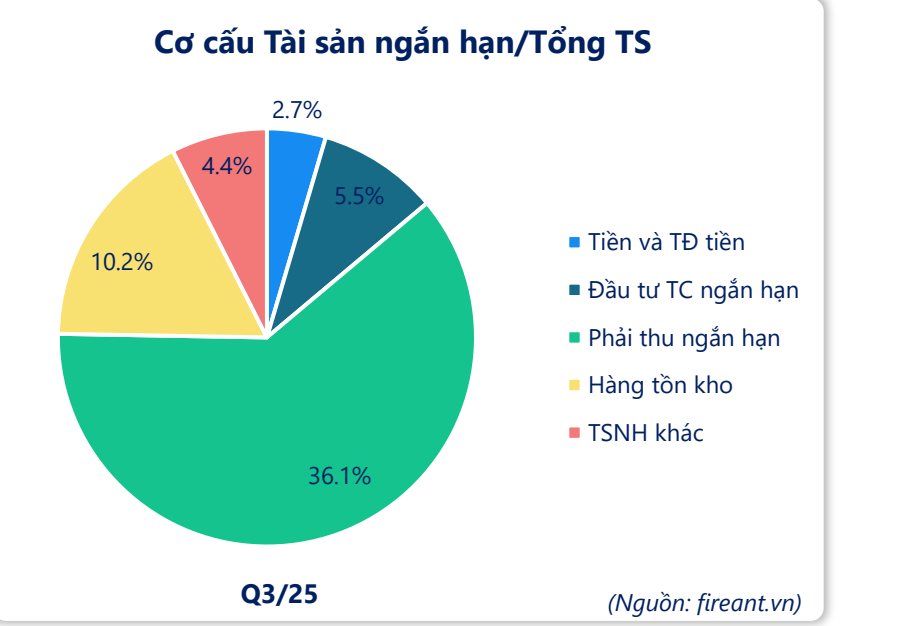
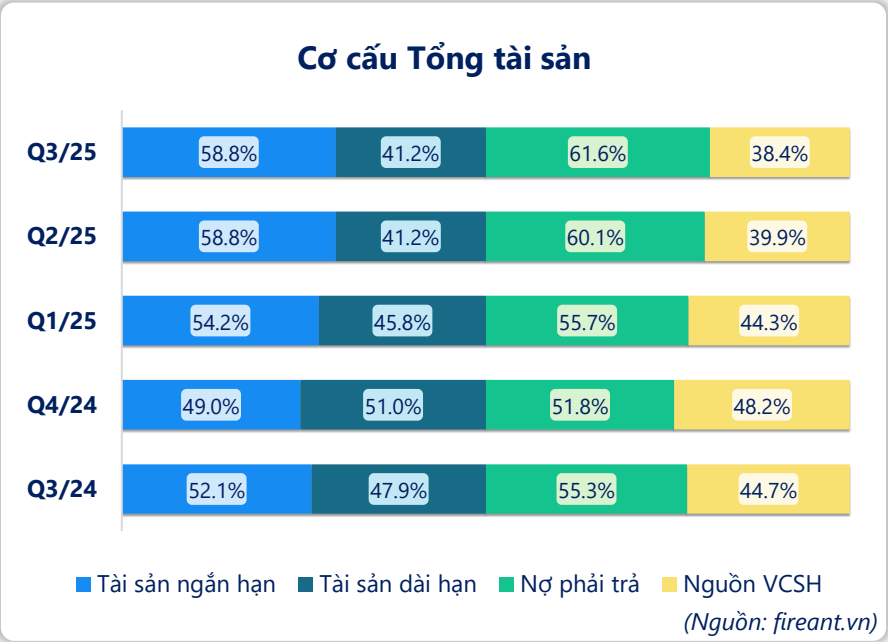
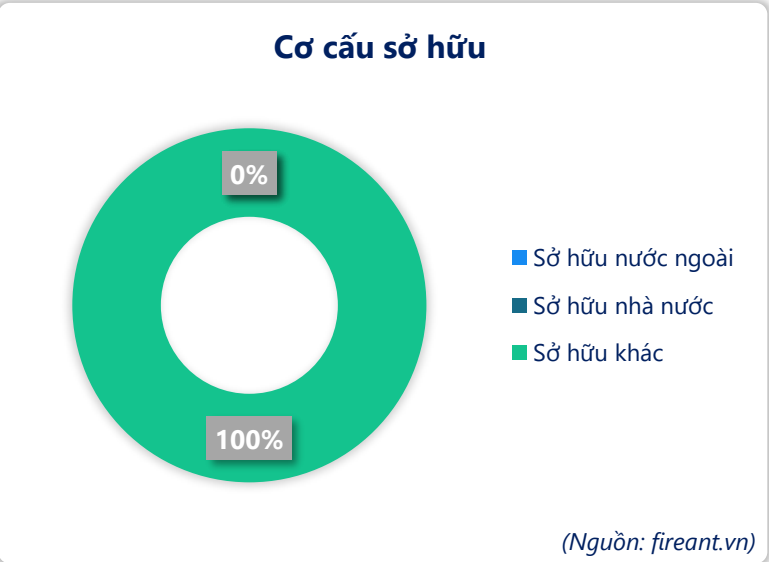
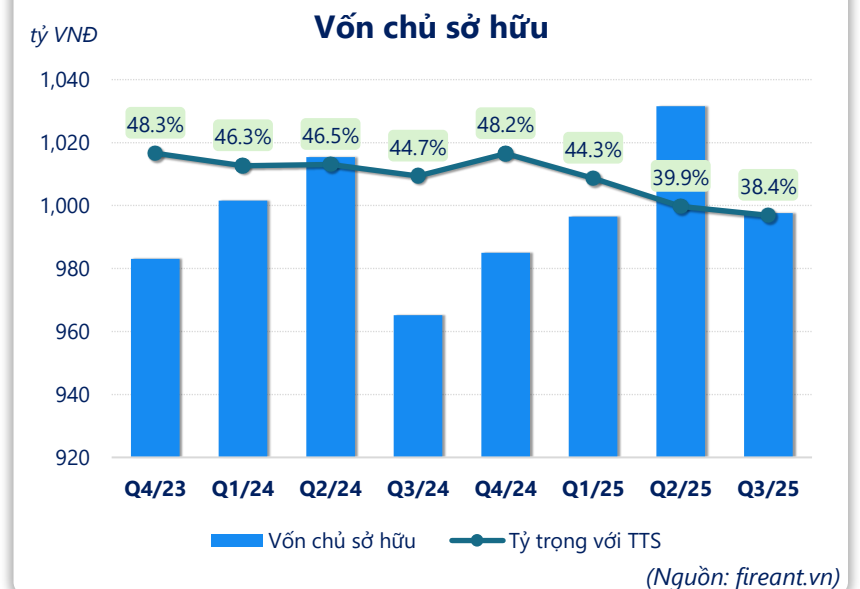
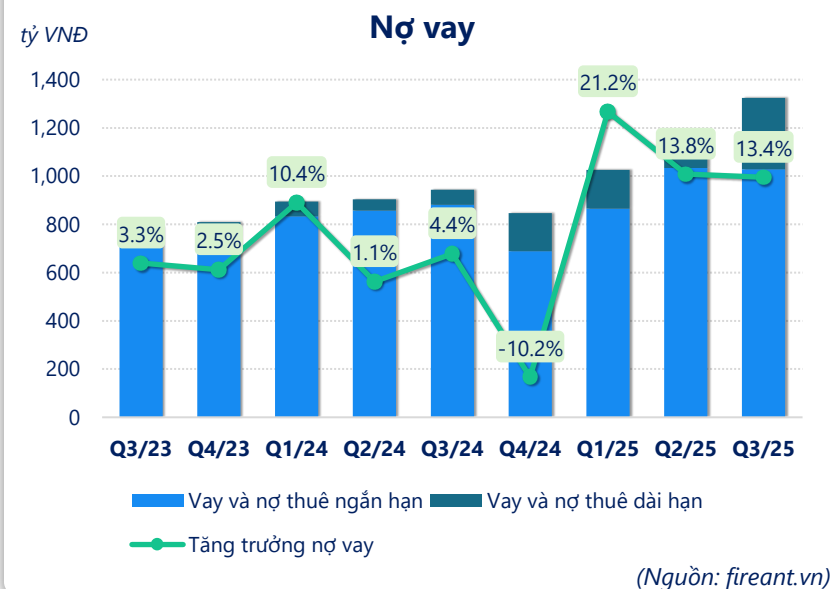
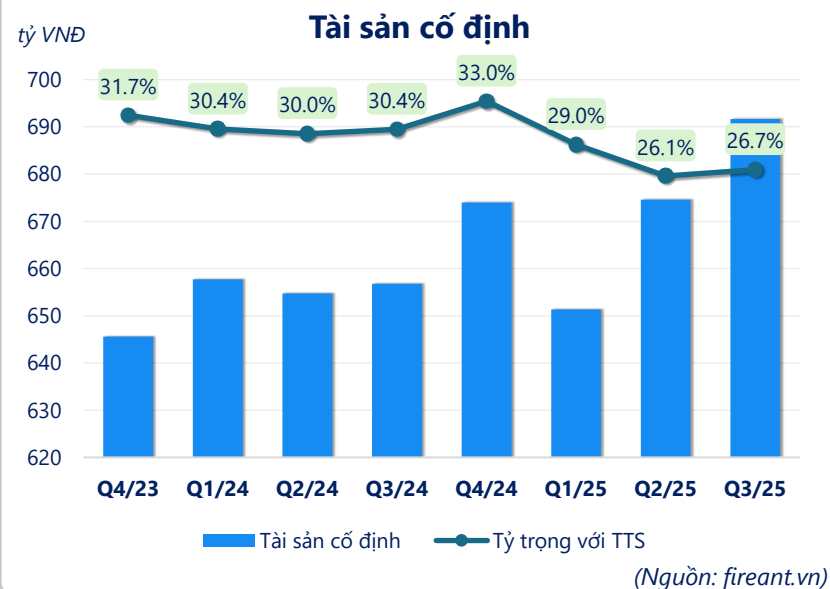
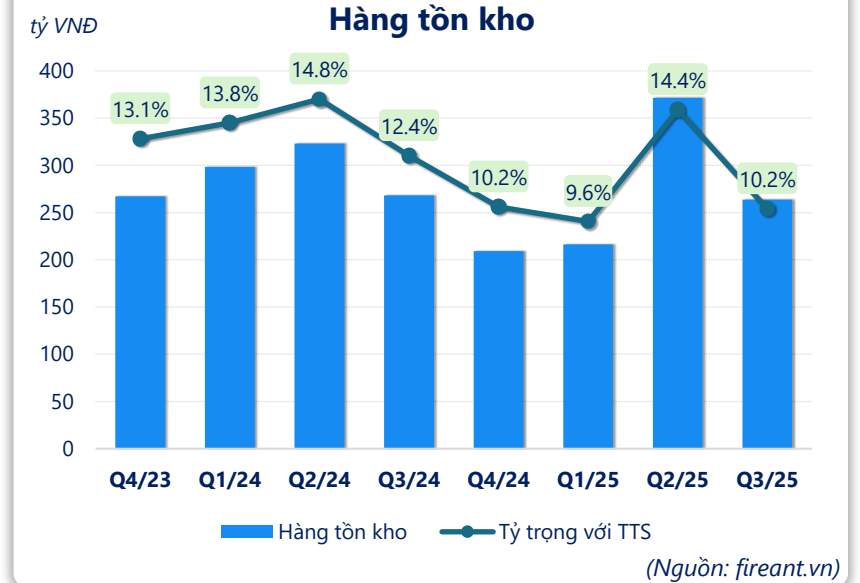
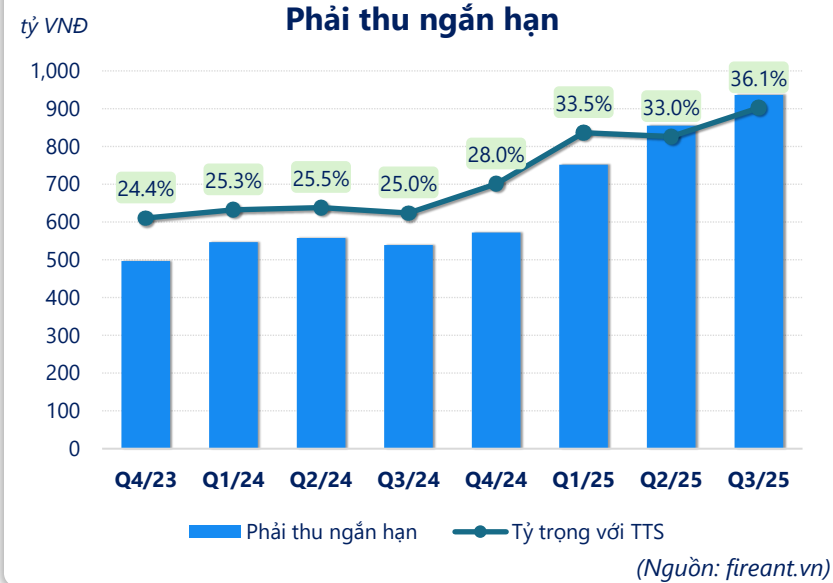
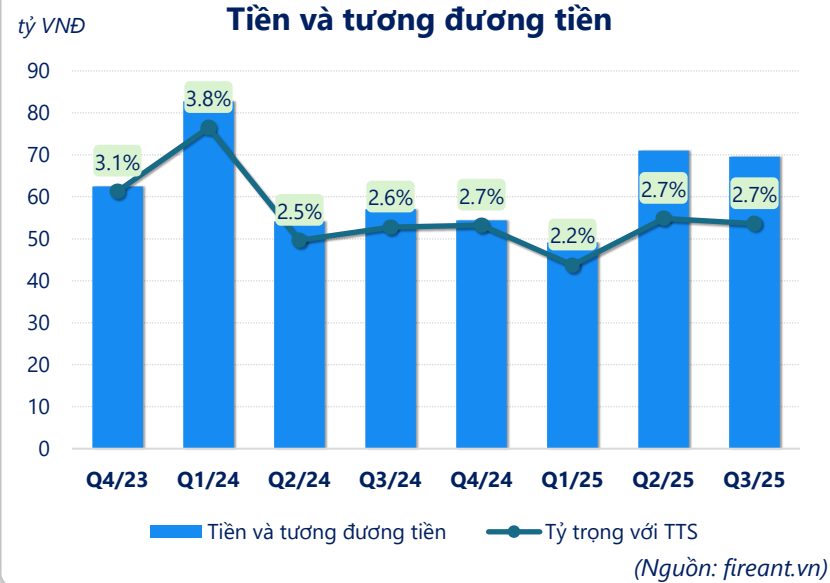
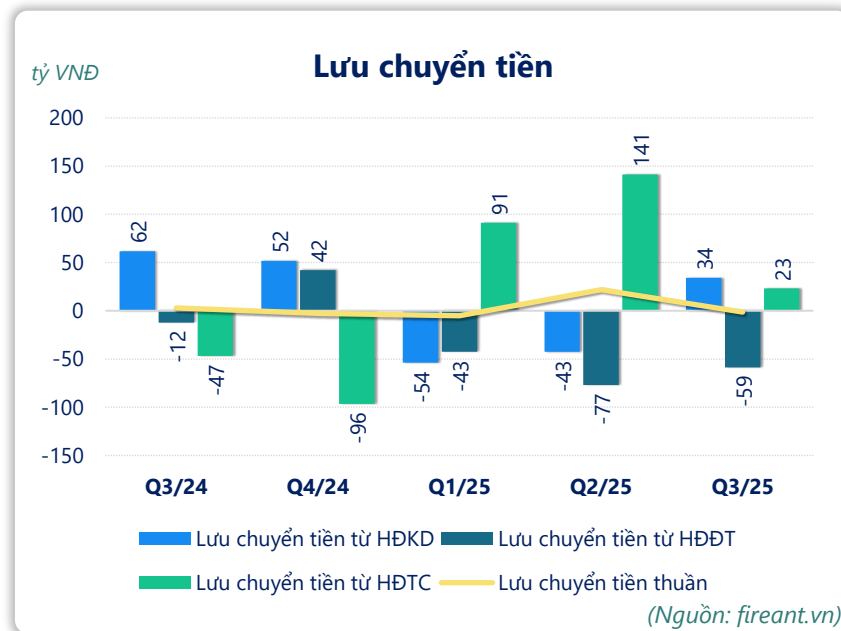
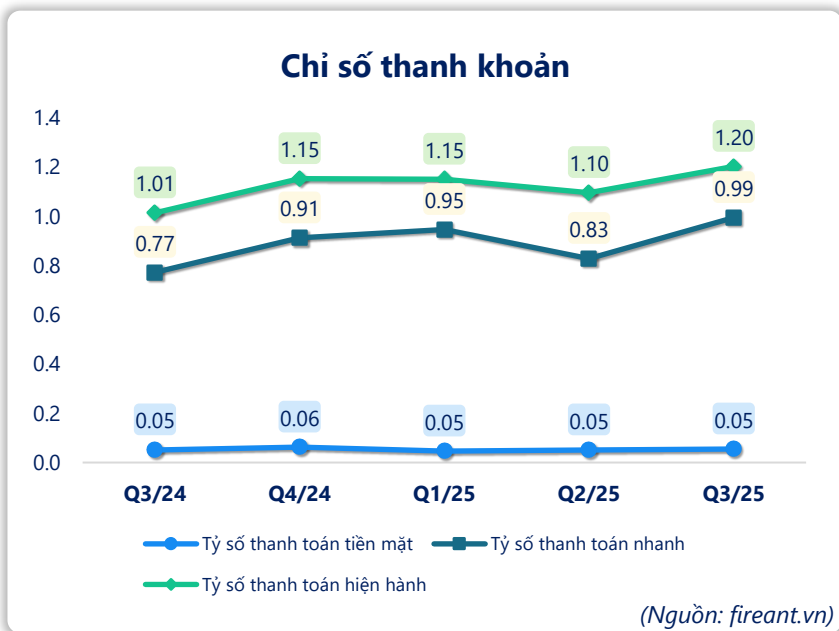
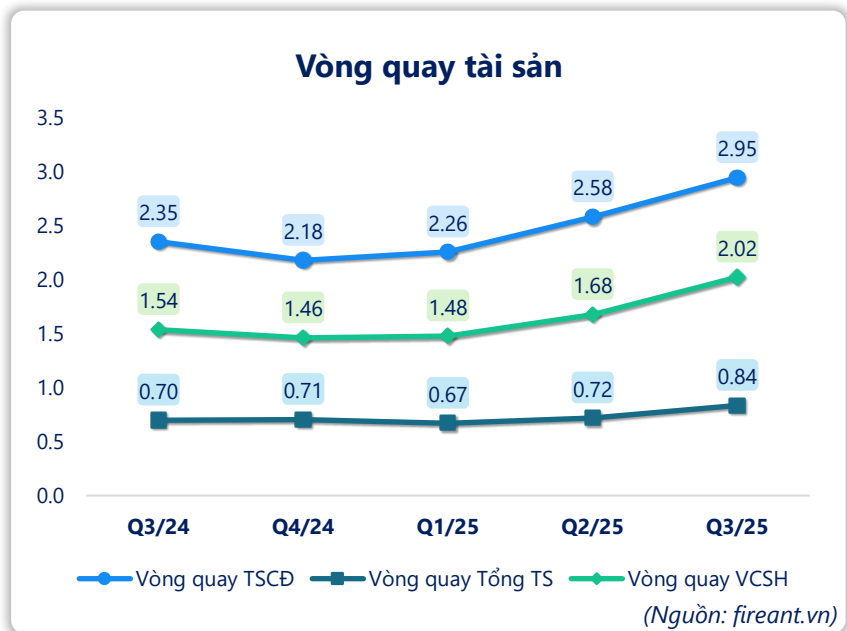
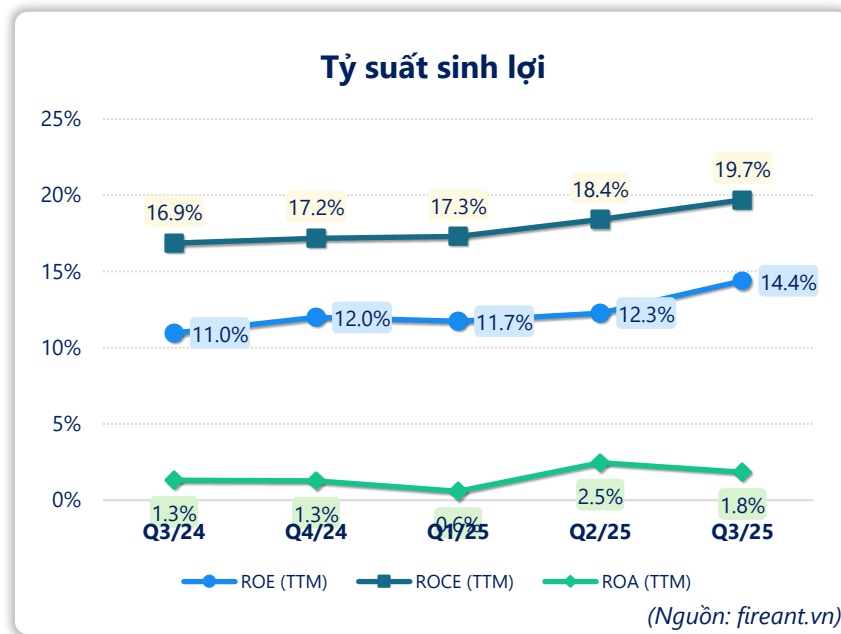
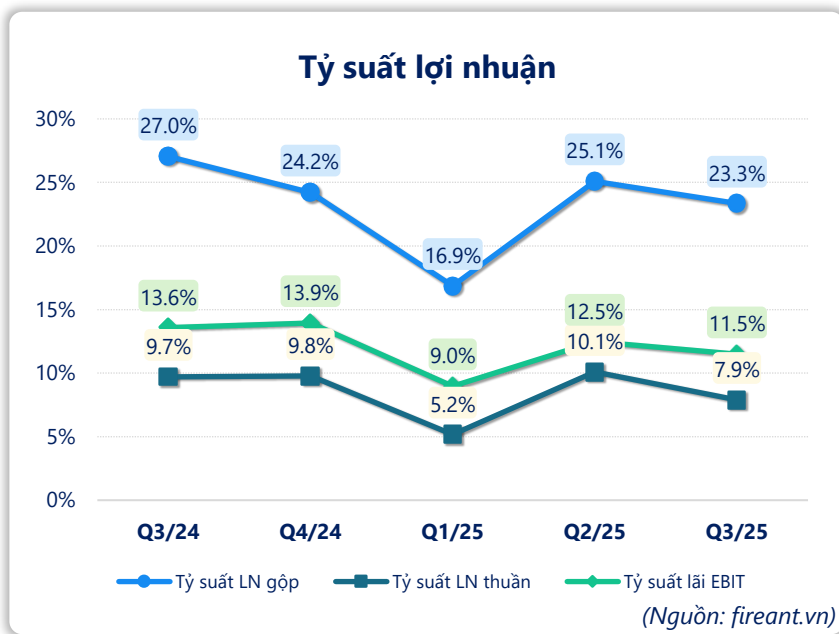
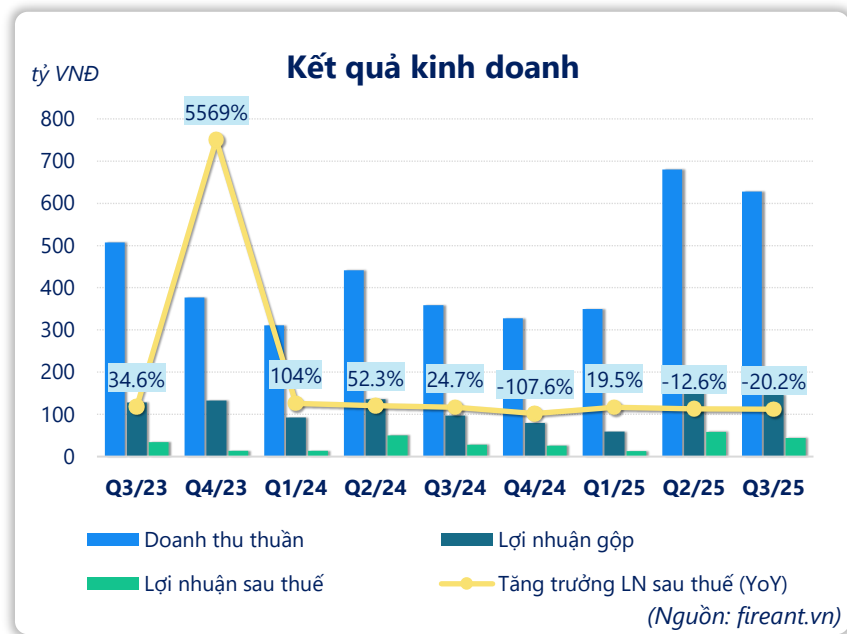


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,273
SL cổ phiếu LH		55,620,286
KLGD BQ 20 phiên (CP)		689,221
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,835
P/E		13.0
EPS		2,538

	YTD	1T	3T	6T
NAF	83.8%	11.5%	46.4%	80.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,595	2,029	27.9%
Tài sản ngắn hạn	1,525	991	53.9%
Tiền và tương đương tiền	69.5	54.4	27.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	142	95.8	48.6%
Phải thu ngắn hạn	936	572	63.8%
Hàng tồn kho	264	211	24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	113	58.0	95.6%
Tài sản dài hạn	1,070	1,038	3.1%
Phải thu dài hạn	136	134	1.1%
Tài sản cố định	692	655	5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.0	5.92	102%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	67.8	65.0	4.4%
Lợi thế thương mại	160	176	-8.8%
Nợ phải trả	1,597	1,044	53.0%
Nợ ngắn hạn	1,269	856	48.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,029	692	48.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.9	56.2	67.1%
Nợ dài hạn	329	187	75.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	295	156	89.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	998	985	1.3%
Vốn chủ sở hữu	998	985	1.3%
Vốn điều lệ	627	653	-4.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	358	328	350	680	628
Giá vốn hàng bán	261	248	291	509	481
Lợi nhuận gộp	96.9	79.4	59.0	171	147
Doanh thu HĐTC	8.72	14.6	8.74	10.1	12.1
Chi phí TC	18.3	17.9	15.8	19.0	25.3
Chi phí lãi vay	13.9	13.1	13.8	16.0	20.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.2	21.3	21.4	34.9	36.5
Chi phí QLDN	26.2	22.8	12.4	58.3	47.2
LN thuần từ HĐKD	34.8	32.0	18.1	68.6	49.6
Lợi nhuận khác	-0.03	0.54	-0.48	0.23	2.07
LN trước thuế	34.8	32.6	17.6	68.9	51.7
Lợi nhuận sau thuế	28.1	26.0	12.9	58.7	43.8
LNST của CĐ cty mẹ	28.1	26.0	12.9	58.6	43.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	61.8	51.5	-53.8	-42.5	34.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.2	42.2	-42.7	-76.9	-58.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.7	-96.5	91.3	141	23.3
Tiền đầu kỳ	54.2	57.0	54.4	49.2	71.0
Lưu chuyển tiền thuần	2.91	-2.71	-5.21	21.8	-1.43
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.04	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	57.0	54.4	49.2	71.0	69.5

(Nguồn: fireant.vn)